

Việt Nam

TRUNG LẬP (Không thay đổi)

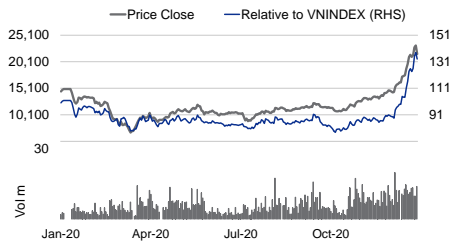
Consensus ratings*: KQ 4 TL 4 KKQ 0

Giá hiện tại:	VND21.550
Giá mục tiêu:	VND22.500
Giá mục tiêu trước:	VND13.400
Tỷ lệ tăng/giảm giá:	4,4%
CGS-CIMB / Consensus:	-73,7%
Reuters:	PVD.HM
Bloomberg:	PVD VN
Vốn hóa thị trường:	US\$393,4tr
	VND9.075.347tr
GTGD bình quân:	US\$5,30tr
	VND125.050tr
SLCP lưu hành:	421,5tr
Free float:	49,6%

*Nguồn: Bloomberg

Thay đổi trọng yếu trong báo cáo

- Nâng dự phóng EPS 2021-2023 10,8% - 29,9%



Nguồn: Bloomberg

Diễn biến giá	1T	3T	12T
Tuyệt đối (%)	50,2	89	47,1
Tương đối (%)	44,2	69,2	31,6

Cổ đông chính	% nắm giữ
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	50,4

Chuyên viên phân tích

Phạm Lê Mai

T (84) 94 328 0850

E mai.phamle@vndirect.com.vn

Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Giá dầu phục hồi hỗ trợ cho đà tăng giá cổ phiếu

- Chúng tôi kỳ vọng giá dầu tăng gần đây sẽ thúc đẩy tốc độ phục hồi của thị trường khoan trong khu vực, từ đó củng cố triển vọng của PVD.
- Giá mục tiêu được nâng lên 22.500đ/cp, dựa trên P/B mục tiêu 2021-2023 0,7x (từ 0,4x) nhằm phản ánh tâm lý thị trường và triển vọng lợi nhuận của PVD được cải thiện.

Triển vọng rõ ràng hơn cho mảng khoan năm 2021

Vào T12/2020, PVD thông báo ký hợp đồng khoan với ENI tại mỏ Kén Bàu, dự kiến bắt đầu từ T1/2021. Chúng tôi ước tính thời gian khoan một giếng cần ít nhất ba tháng, do đó hợp đồng cho hai giếng chắc chắn và một giếng tùy chọn có thể kéo dài ít nhất sáu tháng, bổ sung vào khối lượng công việc đảm bảo của PVD trong năm 2021. Với hợp đồng mới này, chúng tôi nhận thấy PVD sẽ có nhiều khả năng đạt được dự phóng của chúng tôi hơn, tương ứng hiệu suất sử dụng TB các giàn tự nâng ở mức 80%, trong đó 2-3 giàn hoạt động trong nước và một giàn tại Malaysia (khoan cho Rosneft). Chúng tôi kỳ vọng cam kết giảm sản lượng của OPEC+ có thể giúp duy trì giá dầu trên 50 USD/thùng, hỗ trợ cho giải ngân vốn đầu tư và nhu cầu khoan phục hồi.

Giá thuê ngày cao hơn dự kiến

Theo PVD, trong hai hợp đồng ký gần đây với Kris Energy và ENI, giá thuê ngày đầu thầu cao hơn dự kiến của chúng tôi do có ít nhà thầu tham gia và PVD có lợi thế nhất định tại các thị trường Đông Nam Á do đã có nguồn lực sẵn sàng trong khi một số đối thủ cạnh tranh bị hạn chế về di chuyển do dịch Covid-19. Theo một nguồn tham khảo khác, Basoe Analytics ước tính giá thuê ngày của giàn khoan PVD VI là 65.000 USD, trong khi giá thuê ngày cho một hợp đồng 1 năm mới được ký kết của Borr Drilling ở khu vực Đông Nam Á khoảng 75.000 USD. Do đó, chúng tôi nâng giả định giá thuê ngày trung bình năm 2021 8% lên 65.000 USD (tương đương năm 2020) với mức tăng mỗi năm 3% kể từ 2022. Điều này dẫn tới dự phóng EPS 2021-2023 tăng 10,8% - 29,9%.

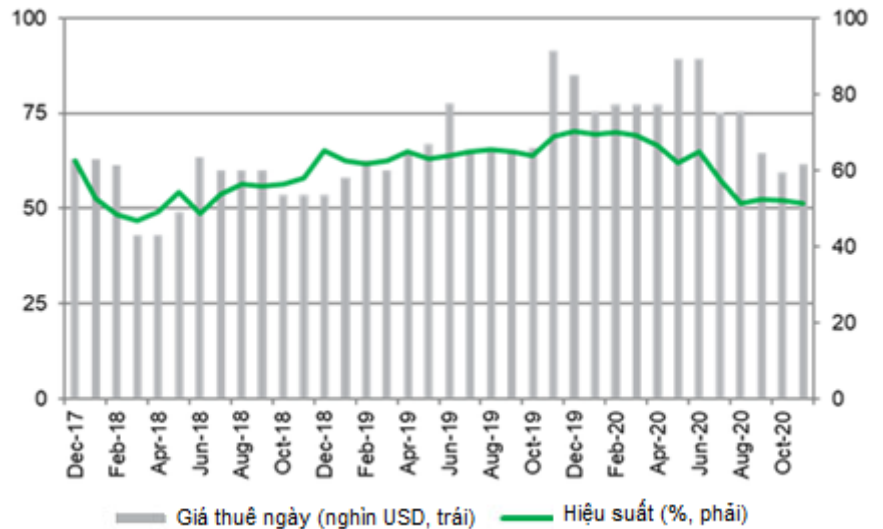
Tăng giá mục tiêu lên 22.5000 đồng/cp và duy trì đánh giá Trung lập

Với hệ số beta cao (1,5x), giá cổ phiếu của PVD đã tăng hơn 50% trong tháng qua trong bối cảnh thị trường chứng khoán tăng mạnh (P/E thị trường tăng từ 16,2x lên 19,8x). Chúng tôi thay đổi phương pháp định giá kết hợp giữa mô hình DCF và P/B sang chỉ sử dụng P/B mục tiêu do cho rằng giá cổ phiếu hiện tại chủ yếu phản ánh quan điểm ngắn hạn của nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường và giá dầu tăng. Chúng tôi nâng dự phóng P/B mục tiêu 2021-2023 từ 0,4 lên 0,7 lần nhằm phản ánh triển vọng công ty cải thiện trong 2021 khi giàn nước sâu hoạt động trở lại và một mức premium so với các DN cùng ngành nhờ đội khoan trẻ hơn và LN rỗng tăng trưởng dương (trong khi các công ty cùng ngành chịu lỗ). Rủi ro tăng giá là giá dầu tăng mạnh thúc đẩy việc định giá lại cổ phiếu. Rủi ro giảm giá là chi phí hoạt động cao hơn dự kiến và thu hồi nợ chậm.

Tóm tắt các chỉ tiêu chính	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F	12/23F
Doanh thu (tr USD)	188,5	222,3	208,1	244,0	253,5
EBITDA hoạt động (tr USD)	27,06	19,41	26,38	44,01	45,80
Lợi nhuận ròng (tr USD)	7,96	6,87	10,59	21,48	23,86
EPS cốt lõi (USD)	0,019	0,016	0,025	0,051	0,057
Tăng trưởng EPS cốt lõi (%)	108%	-13%	54%	103%	11%
Ước tính P/E cốt lõi (lần)	49,59	57,28	37,18	18,33	16,50
Cổ tức tiền mặt (USD)	0	-	-	-	-
Tỷ suất cổ tức	0,03%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
EV/EBITDA (lần)	14,59	21,26	15,13	8,90	8,33
P/FCFE (lần)	NA	NA	11,6	NA	NA
P/B (lần)	0,66	0,71	0,71	0,73	0,73
ROE	1,35%	1,19%	1,90%	3,92%	4,42%
CGS-CIMB/Consensus EPS (lần)		1,16	1,79	1,34	

Giá dầu phục hồi hỗ trợ cho đà tăng giá cổ phiếu

Hình 1: Giá thuê ngày và hiệu suất sử dụng trung bình của các giàn tự nâng tại khu vực Đông Nam Á



NGUỒN: IHSMarkeit T12/2020

Hình 2: Lịch trình khoan dự kiến của PVD

Giàn khoan	Q1/20	Q2/20	Q3/20	Q4/20	Q1/21	Q2/21	Q3/21	Q4/21
PVD I	Petronas	Hibiscus						
PVD II	Petronas			VSP	VSP/Chủ thầu Việt Nam khác			
PVD III	Repsol Malaysia			KE			Rosneft	
PVD VI	Sapura		Rosneft		ENI			
TAD	Tái khởi động giàn và đầu tư cụm thiết bị DES						Shell Brunei	
PVD XI							GBRS	
Hakuryu-11*		Idemitsu						N/A
Idun*	Hoàng Long		JVPC					
Saga*		ENI						

Hợp đồng chắc chắn

Hợp đồng tiềm năng/Tùy chọn gia hạn

*Các giàn khoan thuê ngoài
 NGUỒN: VND RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Chúng tôi kỳ vọng LN ròng của PVD tăng 54% trong năm 2021 và 103% trong năm 2022 trên cơ sở: (1) hiệu suất trung bình các giàn tự nâng đạt 80% (2020: 73%), (2) giá thuê ngày trung bình đạt 65.000 USD (tương đương 2020) và (3) giàn TAD trở lại hoạt động từ tháng 7/2021.

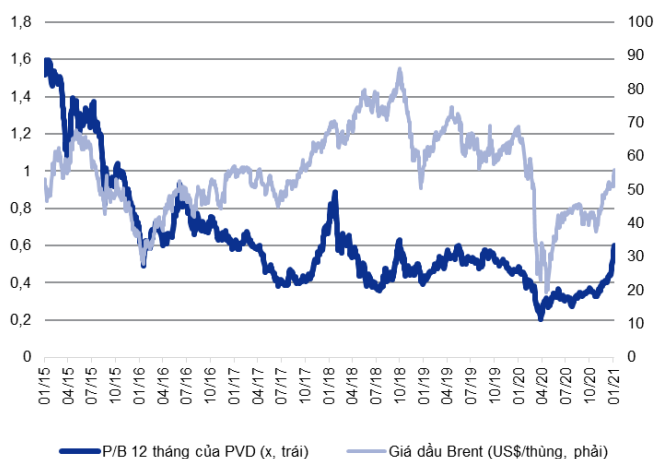
Hình 3: Thay đổi dự phóng

Đơn vị: tr USD	2021F			2022F			2023F		
	Cũ	Mới	%Δ	Cũ	Mới	%Δ	Cũ	Mới	%Δ
Giá thuê ngày TB giàn tự nâng (USD)	60.000	65.000	8,3%	65.000	67.000	3,1%	68.000	70.000	2,9%
Giá thuê ngày TB giàn TAD (USD)	95.000	95.000	-	95.000	95.000	-	95.000	95.000	-
Hiệu suất HD giàn tự nâng (%)	80%	80%	-	90%	90%	-	90%	90%	-
Hiệu suất giàn TAD (%)	50%	50%	-	95%	95%	-	95%	95%	-
Doanh thu thuần	202,3	208,1	2,9%	241,3	244,0	0,0	250,9	253,5	1,0%
LN gộp	20,5	23,5	15,0%	38,5	41,0	6,6%	41,1	43,6	6,2%
<i>Biên LN gộp</i>	10,1%	11,3%	+1,2 điểm %	15,9%	16,8%	+0,9 điểm %	16,4%	17,2%	+0,8 điểm %
Chi phí bán hàng	(14,6)	(15,1)	3,3%	(19,9)	(20,1)	1,1%	(19,9)	(20,9)	5,0%
EBIT	5,9	8,5	43,9%	18,6	20,9	12,5%	18,6	22,7	22,1%
LNTT	9,54	12,39	29,9%	22,52	25,13	11,6%	25,19	27,91	10,8%
LN ròng	8,2	10,6	29,9%	19,3	21,5	11,6%	21,5	23,9	10,8%
EPS	0,019	0,025	29,9%	0,046	0,051	11,6%	0,051	0,057	10,8%

NGUỒN: VND RESEARCH

Duy trì đánh giá Trung lập và nâng giá mục tiêu lên 22,500 đ/cp

Hình 1: P/B của PVD và giá dầu Brent



NGUỒN: BLOOMBERG, VND RESEARCH

Hình 2: P/B của PVD và VNIndex



NGUỒN: BLOOMBERG, VND RESEARCH

Chúng tôi lưu ý rằng việc giá dầu tăng thường không có tác động trực tiếp và tức thì đến LN ròng của các nhà cung cấp dịch vụ khoan. Chủ mỏ và DN khai thác có thể chờ từ 6 tháng đến 1 năm để khởi động lại kế hoạch đầu tư và hiện thực hóa vào LN của các DN khoan.

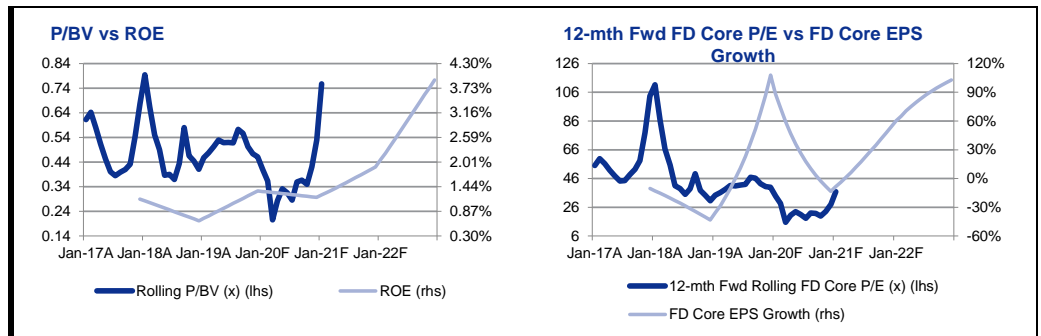
Trong bối cảnh thị trường đang đánh giá lại và giá dầu tăng, chúng tôi tin rằng giá cổ phiếu PVD sẽ mang tính thị trường cao hơn, phản ánh cái nhìn ngắn hạn của nhà đầu tư thay vì dài hạn. Do đó, chúng tôi thay đổi phương pháp định giá từ kết hợp 2 phương pháp DCF và P/B sang chỉ sử dụng P/B mục tiêu. Chúng tôi sử dụng P/B mục tiêu giai đoạn năm 2021-2023 ở mức 0,7 lần (so với 0,4 lần trước đây), dựa trên P/B trung bình giai đoạn 2015-2019 là chu kỳ trước đó của giá dầu. P/B mục tiêu cao hơn so với trung bình các doanh nghiệp cùng ngành do PVD có đội khoan trẻ hơn (tuổi trung bình các giàn là 10) và công ty có thể duy trì LN dương trong khi các DN khác được dự báo sẽ tiếp tục ghi nhận lỗ trong 2021-2022.

Hình 6: So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty	Mã Bloomberg	Khuyến nghị	Giá đóng cửa (Đv nội tệ)	Giá mục tiêu (Đv nội tệ)	Vốn hóa (tr US\$)	P/E (x)			Tăng trưởng EPS 3 năm (%)	P/BV (x)			ROE (%)			ROA (%)		
						TTM	2021	2022		TTM	2021	2022	TTM	2021	2022	TTM	2021	2022
Các DN khoan ngoài khơi																		
PV Drilling	PVD VN	TRUNG LẬP	21.550	22.500	393	37,0	37,2	18,3	39,2%	0,7	0,7	0,7	1,9%	1,9%	3,9%	1,3%	1,2%	2,5%
Borr Drilling Ltd	BDRILL NO	KKN	7,42	NA	191	NA	NA	NA	32,2%	0,1	0,2	0,3	-27,1%	-20,1%	-18,0%	-10,2%	NA	NA
Velesto Energy Bhd	VEB MK	TRUNG LẬP	0,13	0,14	264	90,3	NA	NA	NA	0,4	0,4	0,4	0,4%	-1,6%	-0,2%	0,3%	-1,1%	-0,2%
Sapura Energy Bhd	SAPE MK	KÉM KHẢ QUAN	0,12	0,05	473	NA	NA	NA	-72,7%	0,2	0,2	0,2	-39,7%	-1,9%	-1,6%	-16,6%	-0,3%	-0,1%
Transocean	RIG US	KKN	3,28	NA	2.018	NA	NA	NA	29,3%	0,2	0,2	0,2	-5,0%	-5,2%	-5,8%	-2,5%	-2,3%	-2,8%
Trung bình (loại trừ PVD)					736	90,3	NA	NA	-3,8%	0,2	0,3	0,3	-17,9%	-7,2%	-6,4%	-7,3%	-1,3%	-1,0%

* Dữ liệu dự phóng P/E không có do các công ty này được dự báo ghi nhận lỗ
 NGUỒN: CGS-CIMB RESEARCH, VND RESEARCH, BLOOMBERG (DỮ LIỆU NGÀY 19/01)

THÔNG TIN TÀI CHÍNH



Báo cáo KQ HĐKD

(tr USD)	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F	12/23F
Doanh thu thuần	188,5	222,3	208,1	244,0	253,5
Lợi nhuận gộp	19,4	16,7	23,5	41,0	43,6
LN hoạt động thuần	27,1	19,4	26,4	44,0	45,8
Chi phí khấu hao	(25,5)	(15,7)	(17,9)	(23,1)	(23,1)
LN hoạt động trước thuế & lãi vay	1,6	3,7	8,5	20,9	22,7
TN từ hoạt động tài chính	(3,3)	(3,3)	(1,4)	(1,2)	(0,5)
TN từ các Cty LK & LD	4,8	6,7	4,2	3,7	3,8
Chi phí/lãi ngoài HĐKD	5,1	0,9	1,2	1,8	1,8
Lợi nhuận trước thuế	8,2	8,0	12,4	25,1	27,9
Thuế	(0,7)	(2,0)	(3,1)	(6,3)	(7,0)
Lợi nhuận sau thuế	7,4	6,0	9,3	18,8	20,9
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0,5	0,8	1,3	2,6	2,9
Cổ tức ưu đãi					
Trao đổi ngoại tệ và điều chỉnh khác					
Lợi nhuận ròng	8,0	6,9	10,6	21,5	23,9
Lợi nhuận thường xuyên	7,9	6,9	10,6	21,5	23,9

Dòng tiền

(tr USD)	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F	12/23F
EBITDA	27,06	19,41	26,38	44,01	45,80
Lãi (lỗ) từ đầu tư vào công ty liên kết	(9,61)	(9,36)	(9,13)	(8,91)	(8,91)
Tăng/(Giảm) vốn lưu động	(18,54)	8,77	19,94	(3,97)	(3,16)
(Tăng)/Giảm các khoản dự phòng	0,72	-	-	-	-
Chi/(Thu) bằng tiền khác	(18,91)	(11,37)	(14,00)	(18,88)	(17,89)
Dòng tiền hoạt động khác	25,02	20,77	22,93	27,47	26,77
(Chi phí lãi vay)/Thu nhập lãi tiền gửi	(6,07)	(10,06)	(10,02)	(9,21)	(8,29)
Thuế đã trả	(3,01)	(2,01)	(3,10)	(6,28)	(6,98)
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	(3,34)	16,15	33,01	24,23	27,35
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	(2,30)	(31,12)	(16,65)	(12,20)	(12,68)
Tiền thu do thanh lý TSCĐ, thanh lý các khoản đầu	0,05	-	-	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn					
Tiền khác từ hoạt động đầu tư	(7,38)	-	-	-	-
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	(9,63)	(31,12)	(16,65)	(12,20)	(12,68)
Tiền vay nhận được/(đã trả)	(3,65)	1,33	17,48	(16,83)	(15,15)
Tiền thu từ phát hành, nhận góp vốn					
Tiền mua lại CP đã phát hành					
Cổ tức LN đã trả cho chủ sở hữu	(0,12)	-	-	-	-
Cổ tức ưu đãi đã trả					
Tiền khác từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	(3,77)	1,33	17,48	(16,83)	(15,15)
Tổng tiền trong năm	(16,74)	(13,64)	33,85	(4,80)	(0,48)
Dòng tiền tự do cho cổ đông	(16,62)	(13,64)	33,85	(4,80)	(0,48)
Dòng tiền tự do cho doanh nghiệp	(6,90)	(4,90)	26,39	21,24	22,96

NGUỒN: VND RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Bảng cân đối Kế toán					
(tr USD)	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F	12/23F
Tiền và tương đương tiền	126,4	107,0	136,2	126,2	124,0
Các khoản phải thu ngắn hạn	82,5	78,5	73,5	86,2	89,6
Hàng tồn kho	36,1	42,8	38,4	42,2	43,7
Tài sản ngắn hạn khác	1,7	2,0	1,9	2,2	2,3
Tổng tài sản ngắn hạn	246,7	230,3	250,0	256,9	259,5
Tài sản cố định	602,8	600,9	585,0	559,9	549,5
Tổng đầu tư	46,1	44,8	43,7	42,6	42,6
Tài sản vô hình	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	8,0	7,8	7,6	7,4	7,4
Tổng tài sản dài hạn	656,9	653,5	636,3	609,9	599,5
Vay & nợ ngắn hạn	22,5	15,0	34,5	30,3	27,3
Phải trả người bán	36,9	44,8	40,2	44,3	45,8
Nợ ngắn hạn khác	64,3	75,7	70,9	83,1	86,3
Tổng nợ ngắn hạn	123,8	135,5	145,6	157,7	159,4
Vay & nợ dài hạn	139,7	143,9	138,0	121,2	109,1
Nợ dài hạn khác	35,9	34,9	34,1	33,2	33,2
Tổng nợ dài hạn	175,6	178,8	172,1	154,4	142,3
Dự phòng	-	-	-	-	-
Tổng nợ	299,4	314,3	317,7	312,1	301,7
Vốn chủ sở hữu	593,5	558,3	556,4	540,1	539,8
Lợi ích cổ đông thiểu số	10,7	11,2	12,2	14,6	17,5
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	604,2	569,5	568,6	554,7	557,3

Các chỉ tiêu chính					
	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F	12/23F
Tăng trưởng doanh thu	-21,2%	17,9%	-6,4%	17,2%	3,9%
Tăng trưởng LNHHĐKD	-12,1%	-28,3%	35,9%	66,8%	4,1%
Biên LNHHĐKD	14,4%	8,7%	12,7%	18,0%	18,1%
Tiền ròng/cp	(0,08)	(0,12)	(0,09)	(0,06)	(0,03)
Giá trị sổ sách/cp	1,41	1,32	1,32	1,28	1,28
Khả năng thanh toán lãi vay	0,23	0,56	1,28	3,44	4,16
Thuế suất hiệu dụng	8,9%	25,0%	25,0%	25,0%	25,0%
Tỷ lệ chia cổ tức	1,51%	NA	NA	NA	NA
Số ngày phải thu	147,32	132,57	133,38	119,50	126,56
Số ngày tồn kho	74,45	70,23	80,23	72,48	74,65
Số ngày phải trả	84,00	71,28	82,36	74,40	76,64
ROIC	0,23%	0,45%	1,04%	2,64%	2,99%
ROCE	1,14%	1,41%	2,32%	4,00%	4,37%
Chỉ tiêu hoàn vốn tổng tài sản	1,15%	0,95%	1,17%	2,26%	2,47%

Các nhân tố chính					
	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F	12/23F
Giá dầu (USD/thùng)	64,4	45,0	53,0	55,0	58,0
Giá thuê ngày TB - Các giàn tự nâng (USD)	57.500	65.000	65.000	67.000	70.000
Hiệu suất sử dụng TB - Các giàn tự nâng (%)	90,0%	72,9%	80,0%	90,0%	90,0%

NGUỒN: VND RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Trần Khánh Hiền – Phó Giám đốc Khối Phân tích

Email: hien.trankhanh@vndirect.com.vn

Phạm Lê Mai – Chuyên viên Phân tích cao cấp

Email: mai.phamle@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>